

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Nhận định thị trường:

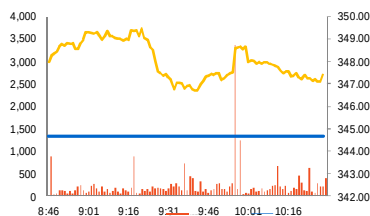
#### Tổng quan thị trường

|                       | Giá trị | Thay đổi | ± %     |
|-----------------------|---------|----------|---------|
| VN-Index              | 348.11  | 0.68     | 0.20%   |
| KL.GD (triệu ck)      | 24.42   | -4.13    | -14.46% |
| GTGD (tỷ đồng)        | 366.90  | -0.74    | -0.20%  |
| Tổng cung (triệu ck)  | 36.97   | -0.35    | -0.93%  |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 27.11   | -0.50    | -1.80%  |
| Giao dịch NN          |         |          |         |
| KL mua (triệu ck)     | 3.83    | 0.97     | 34.13%  |
| KL bán (triệu ck)     | 2.87    | 1.12     | 63.93%  |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 83.86   | 15.97    | 23.52%  |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 51.43   | 16.27    | 46.27%  |

Trong năm 2012, với những yếu tố tích cực như xuất khẩu sẽ vẫn trên đà tăng trưởng, cán cân thanh toán tổng thể thặng dư khoảng vài tỉ USD, nên theo thống đốc NHNN thì tỷ giá không có gì đáng ngại. Mức biến động trong năm nếu có chỉ không quá 3%. Vì vậy, nếu LS tiền gửi tiền đồng 14%, so với LS tiền gửi USD hiện nay 2%, người gửi tiền đồng hoàn toàn có lợi. NHNN cam kết và đảm bảo người gửi tiền đồng sẽ có lợi hơn USD.

Những ngày giáp Tết Nhâm Thìn, giá chào bán đôla thực tế trong ngân hàng và ngoài thị trường tự do về dưới 21.180 đồng, giảm gần 100 đồng so với vài ngày trước. Những năm gần đây, giá đôla dịp cận Tết thường tăng mạnh. Trong khi đó, sau một thời gian giảm về mức thấp nhất xoay quanh 42 triệu đồng mỗi lượng, giá vàng hiện đang tăng trở lại với mức dao động quanh 43 triệu đồng/lượng. Tại nhiều ngân hàng, lãi suất huy động vàng vẫn tiếp tục neo cao.

#### Biến động trong phiên



Mặc dù dư mua trên thị trường vẫn thấp, thanh khoản chưa cải thiện đáng kể nhưng các tín hiệu kỹ thuật trên hai sàn đã bắt đầu có những dấu hiệu tích cực. Thứ nhất, thanh khoản giảm nhưng do áp lực bán đã cạn kiệt nên mặt bằng giá cổ phiếu chỉ còn giảm nhẹ, tạo thành tín hiệu phân kỳ tăng từ công cụ dòng tiền. Đây là yếu tố cho thấy thời điểm hiện tại thị trường đã giảm “thái quá” và sự bật tăng trở lại sẽ trở nên nhạy cảm hơn khi có sự gia tăng nhỏ từ dòng tiền tham gia. Đặc điểm thứ hai là sự tích lũy cổ phiếu tại vùng hỗ trợ đang diễn ra trên khá nhiều mã cổ phiếu bluechips trên hai sàn. Mặc dù chưa chính thức tạo thành tín hiệu đảo chiều tăng tuy nhiên với những dấu hiệu hiện tại thì giá cổ phiếu có thể sẽ không giảm mạnh. Điểm thứ ba có tính chất hỗ trợ kỹ thuật cho thị trường là sự phục hồi mạnh mẽ từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn và các mã cổ phiếu ngành ngân hàng như BVH, MSN, STB, CTG, v.v... Diễn biến tăng giá của nhóm này có thể còn tiếp diễn trong nhiều phiên, và sẽ tác động tích cực tới tâm lý thị trường.

Dương Dao

Analysis

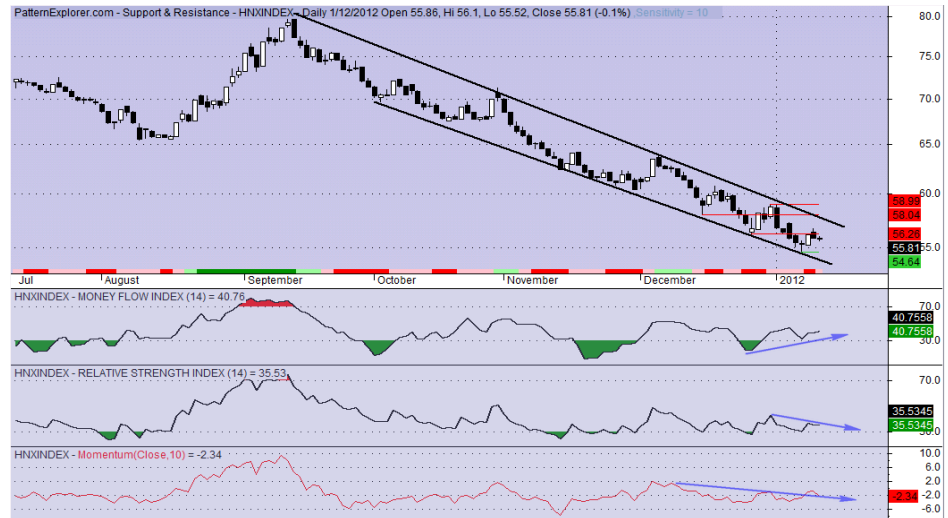
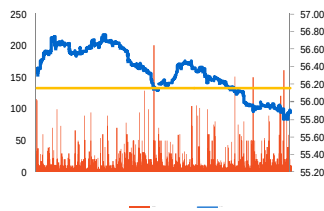
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888 Fax: 393439999

***Yếu tố chu kỳ khiến dòng tiền tham gia thị trường khó tăng mạnh trong dịp sát tết nguyên đán, tuy nhiên các tín hiệu kỹ thuật đang thể hiện những yếu tố tích cực nhất định cho thấy chỉ số hai sàn hiện tại có thể đang trong giai đoạn tích lũy. Trong ngắn hạn, VN-Index có thể dao động quanh vùng 350 điểm, còn HNX-Index có khả năng dao động trong khoảng 54,6 – 56 điểm với sự phân hóa có thể sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn. Nhà đầu tư nên tận dụng những phiên giảm nhẹ để tham gia dần vào thị trường. Các nhà đầu tư đang nắm giữ cổ phiếu hiện tại không nên bán tháo mà có thể tiếp tục nắm giữ hoặc tái cơ cấu lại danh mục của mình.***

**HNX:****Nhận định thị trường:****Tổng quan thị trường**

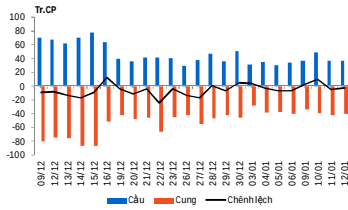
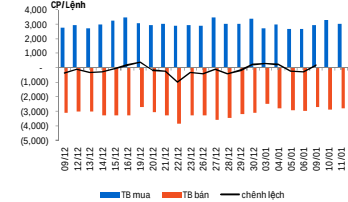
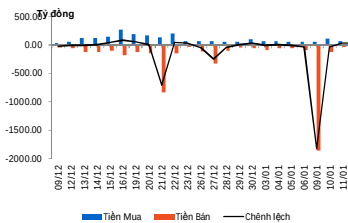
|                       | Giá trị | Thay đổi | ± %     |
|-----------------------|---------|----------|---------|
| HNX-Index             | 55.81   | ↓ -0.07  | -0.13%  |
| KL.GD (triệu ck)      | 16.58   | ↓ -7.46  | -31.03% |
| GTGD (tỷ đồng)        | 136.91  | ↓ -65.33 | -32.30% |
| Tổng cung (triệu ck)  | 31.02   | ↓ -4.05  | -11.55% |
| Tổng cầu (triệu ck)   | 24.36   | ↓ -6.44  | -20.91% |
| <b>Giao dịch NN</b>   |         |          |         |
| KL mua (triệu ck)     | 1.15    | ↑ 0.54   | 89.84%  |
| KL bán (triệu ck)     | 0.09    | ↑ 0.00   | 3.79%   |
| Giá trị mua (tỷ đồng) | 10.90   | ↑ 5.27   | 93.75%  |
| Giá trị bán (tỷ đồng) | 0.91    | ↑ 0.19   | 25.81%  |

*Đồ thị HNX-Index.***Biến động trong phiên**

Một số điểm tích cực được thể hiện khi thị trường không giảm mạnh trong phiên giao dịch hôm nay:

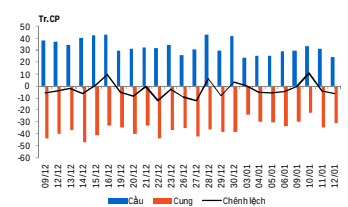
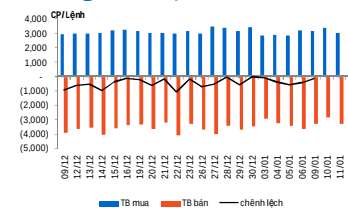
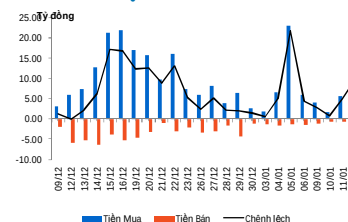
- Khẳng định khả năng giảm mạnh sẽ khó xảy ra: sau khi đảo chiều tại 52,5 điểm nhưng không sụt mạnh, giao dịch cho thấy áp lực bán đã cạn kiệt, đồng thời xu thế giảm chính không còn phát huy sức mạnh nữa.
- Phân kỳ tăng từ công cụ dòng tiền.
- Dấu hiệu ban đầu thể hiện xác suất đảo chiều đang cao dần khi RSI có phân kỳ khỏi đường sức giảm, Momemtum đã thoát khỏi đường sức giảm chính trước đó và có chiều đi lên.

*Về mặt kỹ thuật, khả năng giảm mạnh trong ngắn hạn sẽ khó xảy ra. Theo chu kì thì thời gian này dòng tiền tham gia thị trường thường khó có sự đột biến, tuy nhiên dấu hiệu giao dịch cho thấy sự tích lũy xuất hiện mạnh mẽ trên nhiều mã bluechips có sức ảnh hưởng mạnh tới tâm lý thị trường chung. Nếu diễn biến theo chiều hướng tích cực tiếp diễn như vậy thì một sóng phục hồi đáng kể có thể xuất hiện trong tương lai gần nhưng do dòng tiền hạn chế nên thị trường có thể phân hóa mạnh. Nhà đầu tư nếu có tỷ lệ tiền mặt cao thì nên tham gia dần vào thị trường. NĐT giữ cổ phiếu không nên tiếp tục bán ròng, đặc biệt là nếu thị trường chỉ tăng giảm nhẹ trong trạng thái dao động.*

**HSX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

BVH tăng kịch trần, MSN và VIC đều có mức tăng khá mạnh với 3.37% và 1.57% giúp VN-Index tăng 0.35 điểm, tương ứng 0.1% lên 437.78 điểm trong đợt khớp lệnh thứ nhất. Những cổ phiếu chủ chốt vẫn tiếp tục nâng đỡ cho VN-Index vào đầu phiên khớp lệnh liên tục. Các mã bluechips như BVH, CTG, AGR tiếp tục tăng kịch trần, trong khi VIC, VNM, SSI trở về mức tham chiếu và giao dịch cũng không khả quan. Kết thúc đợt khớp lệnh liên tục, VN-Index duy trì mức tăng 1.6 điểm, tương đương 0.46% lên 349.03 điểm, nhưng thanh khoản ở mức thấp với chỉ đạt hơn 19 triệu đơn vị, giá trị gần 290 tỷ đồng. Kết thúc phiên ngày 12/01, VN-Index tăng nhẹ 0.68 điểm (+0.2%) lên 348.11 điểm.

Khối lượng giao dịch hơn 24 triệu đơn vị, tương đương giá trị 359 tỷ đồng. STB không giao dịch thỏa thuận, nhưng riêng giao dịch khớp lệnh của cổ phiếu này đã lên đến 4.43 triệu đơn vị.

**HNX:****Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Mở cửa, mặc dù các mã chính của sàn này như VND giảm sàn, KLS mất 3.8%, PVX giảm 2.99% hay WSS rớt 3.23%, tổng cộng 47 mã trên sàn mất điểm nhưng HNX-Index chỉ lùi nhẹ 0.07 điểm, tương ứng 0.13% xuống còn 55.81 điểm. Sau vài phút hồi phục nhẹ với đà tăng 0,21 điểm vào đầu đợt khớp lệnh liên tục, HNX-Index đảo chiều giảm điểm lúc 9h39, nhưng mức giảm chỉ có 0.01 điểm mặc dù trên sàn có cả trăm cổ phiếu giảm, trong đó xoa những mã có vốn hóa lớn như VND, KLS, PVX, BVS, SHN, VCG... Hàng loạt các mã đầu cơ tiếp tục bị bán tháo, BVS, KLS và VND đã giảm giá với dư bán khá lớn. Cuối phiên, HNX-Index giảm tiếp tục lùi về mức 55.81 điểm khi giảm thêm 0.07 điểm (0.13%).

Khối lượng giao dịch trên HNX đạt gần 16.6 triệu đơn vị, giá trị 137 tỷ đồng.

## Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 25 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 4 cổ phiếu tăng giá, 9 cổ phiếu đứng giá và 12 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PTL (tăng 2,63%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PVR (giảm 6,49%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 1,03% và tổng khối lượng giao dịch đạt hơn 2,87 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 12/01:

| STT | Mã  | Tên công ty                                   | Giá đóng cửa (VNĐ) | KLGD (cp) | Tăng/Giảm (%) | P/B * | P/E trailing* | Nơi giao dịch |
|-----|-----|-----------------------------------------------|--------------------|-----------|---------------|-------|---------------|---------------|
| 1   | PCG | CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị          | 4,800              | -         | → 0.00        | 0.42  | 14.12         | HNX           |
| 2   | PFL | CTCP Dầu khí Đồng Đô                          | 3,300              | 173,000   | → 0.00        | 0.19  | 0.32          | HNX           |
| 3   | PGS | CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam         | 17,000             | 177,800   | ↓ -2.86       | 0.99  | 36.14         | HNX           |
| 4   | PPS | CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN     | 9,400              | 152,200   | ↓ -1.05       | 0.77  | 40.87         | HNX           |
| 5   | PPE | CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam         | 4,700              | -         | → 0.00        | 0.44  | N/A           | HNX           |
| 6   | PSG | CTCP Đầu tư và Xây Lắp Dầu khí Sài Gòn        | 4,000              | 2,400     | → 0.00        | 0.37  | N/A           | HNX           |
| 7   | PSI | CTCP Chứng Khoán Dầu khí                      | 3,300              | 73,700    | ↓ -2.94       | 0.30  | 0.49          | HNX           |
| 8   | PVC | Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí | 11,800             | 132,900   | → 0.00        | 0.70  | 5.39          | HNX           |
| 9   | PVE | Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí       | 9,500              | 19,000    | → 0.00        | 1.66  | 6.83          | HNX           |
| 10  | PVG | CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc         | 9,300              | 169,900   | ↓ -2.11       | 0.60  | 4.70          | HNX           |
| 11  | PVI | Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí                    | 18,300             | 29,600    | → 0.00        | 0.78  | 23.46         | HNX           |
| 12  | PVR | CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN    | 7,200              | 900       | ↓ -6.49       | 0.69  | 1.93          | HNX           |
| 13  | PVS | Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí            | 12,500             | 147,000   | ↓ -0.79       | 1.06  | 4.70          | HNX           |
| 14  | PVX | Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN                  | 6,500              | 859,100   | ↓ -2.99       | 0.29  | 1.05          | HNX           |
| 15  | DPM | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí     | 23,800             | 114,370   | ↓ -0.83       | 1.42  | 3.84          | HSX           |
| 16  | PET | Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí            | 11,400             | 145,140   | → 0.00        | 1.02  | 6.23          | HSX           |
| 17  | PGD | CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN         | 29,900             | 98,360    | ↑ 1.36        | 2.02  | 8.99          | HSX           |
| 18  | PTL | CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí         | 3,900              | 37,610    | ↑ 2.63        | 0.35  | 2.69          | HSX           |
| 19  | PVD | Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí      | 32,100             | 30,140    | ↑ 0.31        | 2.47  | 12.30         | HSX           |
| 20  | PVF | Tổng CTCP Tài chính Dầu khí                   | 6,500              | 159,020   | ↓ -1.52       | 0.58  | 7.77          | HSX           |
| 21  | PVT | Tổng CTCP vận tải Dầu khí                     | 3,300              | 181,250   | ↓ -2.94       | 0.42  | 26.04         | HSX           |
| 22  | PXI | CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí  | 4,200              | 5,250     | → 0.00        | 0.36  | 0.96          | HSX           |
| 23  | PXM | CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung               | 5,000              | 76,210    | ↓ -3.85       | 0.45  | 5.67          | HSX           |
| 24  | PXS | CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí      | 7,200              | 66,670    | ↓ -4.00       | 0.65  | 3.75          | HSX           |
| 25  | PXT | CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí        | 4,300              | 19,630    | ↑ 2.38        | 0.34  | 0.96          | HSX           |
| 26  | NT2 | CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2            | 6,800              | 5,000     | → 0.00        | 0.62  | 3.29          | UPCOM         |
| 27  | POV | CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng                | 5,800              | -         | → 0.00        | 0.54  | 0.00          | UPCOM         |
| 28  | PSP | CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ             | 4,500              | 7,200     | ↑ 2.27        | 0.46  | 13.58         | UPCOM         |
| 29  | PSB | CTCP Đầu tư Sao Mai -Bến Đình                 | 4,400              | 6,400     | ↑ 10.00       | 0.39  | 3.95          | UPCOM         |
| 30  | PTT | CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương               | 3,800              | -         | → 0.00        | 0.34  | N/A           | UPCOM         |

## LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

### Lịch đấu giá các công ty

| Công ty                                                 | VĐL<br>(tỷ đồng) | Tổng số CP<br>chào bán | Giá khởi<br>điểm<br>(đ/cp) | Ngày đấu giá |
|---------------------------------------------------------|------------------|------------------------|----------------------------|--------------|
| Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Khánh Hòa         | 90               | 2.250.000              | 10.000                     | 17/01/2012   |
| Công ty sản xuất sản phẩm mạ công nghiệp Vingal         | 93.25            | 3.636.810              | 10.050                     | 16/01/2012   |
| Công ty TNHH MTV Chế tạo thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng | 250              | 8.699.868              | 10.800                     | 17/01/2012   |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam                 | 14.500           | 84.754.146             | 18.500                     | 28/12/2011   |

### Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

| Công ty                                  | Địa chỉ đăng<br>ký niêm yết | VĐL<br>(tỷ đồng) | Ngày nộp hồ sơ |
|------------------------------------------|-----------------------------|------------------|----------------|
| CTCP Định Gia Nét                        | HNX                         | 15               | 24/11/2011     |
| CTCP Du lịch Dầu khí Sapa                | HNX                         | 100              | 18/11/2011     |
| CTCP Dược Trung ương Mediplantex         | HNX                         | 50.24            | 16/11/2011     |
| CTCP Đầu Tư và Xây dựng HUD4             | HOSE                        | 150              | 14/11/2011     |
| CTCP Đầu Tư Hạ Tầng Bất động sản Sài Gòn | HOSE                        | 400              | 09/11/2011     |

### Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

| Công ty                                 | Địa chỉ đăng<br>ký niêm yết | VĐL<br>(tỷ đồng) | Ngày được chấp<br>thuận |
|-----------------------------------------|-----------------------------|------------------|-------------------------|
| QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB              | HSX                         | 240              | 13/12/2011              |
| CTCP TV-TM-DV ĐỊA ỐC HOÀNG QUÂN MÊ KÔNG | HSX                         | 320              | 15/11/2011              |
| CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN-ĐIỆN LỰC 3    | HSX                         | 95               | 25/10/2011              |
| CTCP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI   | HSX                         | 100              | 25/10/2011              |

### Lịch niêm yết lần đầu

| Công ty                             | Mã CK | Địa chỉ<br>niêm yết | Vốn điều<br>lệ (tỷ đồng) | Ngày giao<br>dịch |
|-------------------------------------|-------|---------------------|--------------------------|-------------------|
| CTCP Tập đoàn FLC                   | FLC   | HNX                 | 170                      | 05/10/2011        |
| CTCP Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân | GMX   | HNX                 | 53                       | 15/09/2011        |
| CTCP Tập đoàn FLC                   | FDT   | HNX                 | 30,5                     | 12/09/2011        |
| Công ty cổ phần Licogi 14           | L14   | HNX                 | 28                       | 13/09/2011        |

Nguồn: HSX, HSX

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## HSX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| STB | 17,900     | 17,700   | -1.12 | 79,574,043                         |
| JVC | 18,900     | 19,500   | 3.17  | 19,249,705                         |
| VCB | 20,600     | 21,000   | 1.94  | 15,207,615                         |
| CTG | 18,700     | 19,600   | 4.81  | 14,512,694                         |
| HAG | 18,300     | 17,800   | -2.73 | 13,528,511                         |

## HNX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | ± %   | Giá trị giao dịch<br>(1 triệu VNĐ) |
|-----|------------|----------|-------|------------------------------------|
| KLS | 7,900      | 7,700    | -2.53 | 14,640                             |
| VND | 6,500      | 6,100    | -6.15 | 9,636                              |
| GBS | 15,500     | 15,600   | 0.65  | 9,024                              |
| SVN | 30,600     | 30,500   | -0.33 | 8,085                              |
| DBC | 14,500     | 14,300   | -1.38 | 7,790                              |

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng  | ± %   |
|-----|------------|----------|-------|-------|
| VKP | 700        | 800      | 100   | 14.29 |
| TMS | 20,000     | 21,000   | 1,000 | 5.00  |
| BRC | 6,000      | 6,300    | 300   | 5.00  |
| BVH | 40,600     | 42,600   | 2,000 | 4.93  |
| VNI | 4,100      | 4,300    | 200   | 4.88  |

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Tăng | ± %  |
|-----|------------|----------|------|------|
| ILC | 8,600      | 9,200    | 600  | 6.98 |
| MAX | 5,800      | 6,200    | 400  | 6.90 |
| SD4 | 3,000      | 3,200    | 200  | 6.67 |
| PHS | 3,000      | 3,200    | 200  | 6.67 |
| GFC | 9,000      | 9,600    | 600  | 6.67 |

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm   | ± %   |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| CAD | 1,700      | 1,600    | -100   | -5.88 |
| IMP | 40,000     | 38,000   | -2,000 | -5.00 |
| VID | 4,000      | 3,800    | -200   | -5.00 |
| PTC | 4,000      | 3,800    | -200   | -5.00 |
| STG | 16,000     | 15,200   | -800   | -5.00 |

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

| Mã  | Tham chiếu | Đóng cửa | Giảm   | ± %   |
|-----|------------|----------|--------|-------|
| FDT | 22,900     | 21,300   | -1,600 | -6.99 |
| TAG | 33,000     | 30,700   | -2,300 | -6.97 |
| LIG | 8,700      | 8,100    | -600   | -6.90 |
| WCS | 30,600     | 28,500   | -2,100 | -6.86 |
| LUT | 11,700     | 10,900   | -800   | -6.84 |

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VNĐ) | Mã  | GT bán<br>(triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| SSC | 20,595                | STB | 25,457                |
| FPT | 17,704                | HAG | 6,636                 |
| VCB | 6,801                 | NTL | 3,538                 |
| HPG | 5,803                 | KDC | 2,443                 |
| CTG | 4,888                 | FPT | 2,132                 |

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

| Mã  | GT mua<br>(triệu VNĐ) | Mã  | GT bán<br>(triệu VNĐ) |
|-----|-----------------------|-----|-----------------------|
| VCG | 4,798                 | PVS | 500                   |
| DBC | 2,422                 | SDT | 206                   |
| VND | 641                   | HCC | 51                    |
| PVS | 572                   | AAA | 48                    |
| PVI | 476                   | CJC | 41                    |

## KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

### THÔNG TIN LIÊN HỆ

#### Ban Phân tích

E -mail: [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Tel: (84-4) 3934 3888



**PSI CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

*Trụ sở chính:*

**18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999**

*Chi nhánh Hà Nội*

**Tầng 1, 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4)39343888; Fax: (84-4)39343999**

*Chi nhánh Nam Định*

**Tầng 1, lô 13+21 Đường Đông A, Khu đô thị mới Hoà Vượng, Nam Định – ĐT: (84-350) 3677989; Fax: (84-350) 3677979**

*Chi nhánh Thanh Hoá*

**Tầng 1, số 38A đại lộ Lê Lợi, Thanh Hoá**

*Chi nhánh Nghệ An*

**Số 19, Quang Trung, Tp. Vinh, Nghệ An**

*Chi nhánh Hải Phòng*

**Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng**

*Chi nhánh TP.HCM:*

**Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919**

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

**Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521**

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

**Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339**